

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ - PT

Ngày 22 - 7 -2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Chinh

Bà Lê Thu Hương

- C ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú – C ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Lữ Thị Phương Quý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Anh T – Sinh năm: 1987, vắng mặt;

Địa chỉ: SN 723, H11, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị N – Sinh năm: 1985, có mặt.

Địa chỉ: TDP Vạn Thắng 1, phường Nguyên Bình, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là anh Vũ Anh T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị N kết hôn với nhau năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm sống, không hòa hợp về cách sống nên hàng ngày Cồng xảy ra cãi vã to tiếng. Mâu thuẫn kéo dài và Cồng xuyên xảy ra nên từ năm 2015 đến nay anh và chị N đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị N

- *Bị đơn là chị Đỗ Thị N trình bày:*

Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, theo chị N năm 2013 chị sinh 02 con sinh đôi Vũ Ngọc Diễm A và Vũ Ngọc Uyển B thì anh T và gia đình bên nội đã hắt hủi, đánh mắng nên chị N đã mang con về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Trong thời gian chị N về nhà mẹ đẻ ở, anh T có quay về xin lỗi và mong tôi tha thứ nhưng trong thời gian anh T ở với gia đình nhà chị N thì anh vẫn đánh mắng chị N và làm tổn Công cả mẹ đẻ của chị N. Chính vì lý do này, chị N quyết định ở nhà mẹ đẻ chăm các con mà không quay ra Hà Nội với anh T nữa. Nay anh T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, chị N biết được trước khi làm đơn ly hôn, anh T đã chung sống với người phụ nữ khác và có con chung. Chị N cho rằng chị và anh T vẫn là vợ chồng hợp pháp nên chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh T có trách Bệm với các con của anh chị.

2.Về con chung: Anh T và chị N thống nhất vợ chồng có 03 con chung là: Vũ Ngọc Anh C – Sinh ngày: 17/6/2009; Vũ Ngọc Diễm A và Vũ Ngọc Uyển B – Sinh ngày: 28/5/2013. Anh T và chị N đều thừa nhận các cháu ở với mẹ ở phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ khi chị N sinh 02 cháu Diễm A và Uyển B.

Nguyên vọng của anh T khi ly hôn: Tiếp tục giao 03 cháu Anh C, Diễm A và Uyển B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi cháu 1.000.000đ/tháng (03 cháu là 3.000.000đ/tháng).

Chị N không thể hiện nguyên vọng nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu, chị đồng ý với quyết định của Tòa án và quy định của pháp luật.

3.Về tài sản và công nợ: Anh T và chị N không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Anh T được ly hôn với chị Đỗ Thị N.
- Về con chung: Giao cả 03 cháu Vũ Ngọc Anh C – Sinh ngày: 17/6/2009; Vũ Ngọc Diễm A và Vũ Ngọc Uyển B – Sinh ngày: 28/5/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi cháu 1.500.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2022 đến khi các con của anh chị tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/4/2022, chị Đỗ Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tăng mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không rút đơn kháng cáo.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là chị Đỗ Thị N kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo: Chị N đề nghị cấp phúc thẩm tăng mức cấp dưỡng nuôi con cụ thể mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị N không thể hiện nguyện vọng nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu, chị đồng ý với quyết định của Tòa án và quy định của pháp luật. Còn anh T đề nghị được cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu. Tại cấp phúc thẩm chị N không xuất trình các chứng cứ mới về việc anh T có công việc, thu nhập cụ thể như thế nào. Mặt khác, theo chị N, hiện nay anh T đã có vợ khác và con riêng. Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con của anh T cùng chị N mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu là phù hợp nên không chấp nhận việc chị N đề nghị tăng mức cấp dưỡng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của chị N về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí DSPT: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đỗ Thị N phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đỗ Thị N.

Giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn.

- Về hôn nhân: Xử cho anh Vũ Anh T được ly hôn với chị Đỗ Thị N.

- Về con chung: Giao cả 03 cháu Vũ Ngọc Anh C – Sinh ngày: 17/6/2009; Vũ Ngọc Diễm A và Vũ Ngọc Uyên B – Sinh ngày: 28/5/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi cháu 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 4/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 12120 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (chị N đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TX Nghi Sơn;
- Chi cục THADS TX Nghi Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy